

Số: 34/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 31 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quyết định tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh Lai Châu năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 62/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức; số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp; số 235/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 332-QĐ/BTCTW ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Lai Châu năm 2026;

Xét Tờ trình số 6401/TTr-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết quyết định tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh Lai Châu năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 588/BC-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh Lai Châu năm 2026 như sau:

1. Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh

a) Cán bộ, công chức: 1.022 biên chế.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

b) Số lượng người làm việc: 2.994 người.

- Đơn vị do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 1.196 người.

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 1.798 người.

c) Hợp đồng lao động: 306 hợp đồng lao động.

- Trong các cơ quan hành chính: 88 hợp đồng lao động.

- Trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 218 hợp đồng lao động, trong đó:

+ Đơn vị do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 172 hợp đồng lao động.

+ Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 46 hợp đồng lao động.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Cán bộ, công chức: 1.676 biên chế.

b) Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 11.211 người.

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2026 - 2027: 10.032 người.

- Sự nghiệp y tế: 861 người.

- Sự nghiệp khác: 318 người.

c) Hợp đồng lao động: 996 hợp đồng lao động.

- Trong các cơ quan hành chính: 138 hợp đồng lao động.

- Trong đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 858 hợp đồng lao động, trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục: 782 hợp đồng lao động.

+ Sự nghiệp y tế: 38 hợp đồng lao động.

+ Sự nghiệp khác: 38 hợp đồng lao động.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Các Nghị quyết sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

- Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh Lai Châu năm 2026;

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026 về điều chỉnh số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã giao năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quyết định tổng biên chế cán bộ, công chức, số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, địa phương của tỉnh Lai Châu năm 2026;

- Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2026 về điều chỉnh số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã giao năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 và Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 31 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lê Minh Ngân

GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH
NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 31/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

STT	Cơ quan, đơn vị	Biên chế cán bộ, công chức	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.022	
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	42	
1.1	Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh	14	
1.2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	28	
2	Văn phòng UBND tỉnh	56	
3	Sở Nội vụ	58	
4	Sở Ngoại vụ	24	
5	Sở Tài chính	79	
6	Sở Xây dựng	66	
7	Sở Giáo dục và Đào tạo	46	
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	281	
9	Sở Y tế	59	
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	40	
11	Sở Công Thương	71	
12	Sở Khoa học và Công nghệ	42	
13	Sở Dân tộc và Tôn giáo	24	
14	Sở Tư pháp	30	
15	Thanh tra tỉnh	83	
16	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	21	